

Xe số 2:

Biển kiểm soát:...	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyên:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc

7. Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tạo điều kiện cấp giấy phép cho phương tiện.

8. Người liên hệ nhận giấy giới thiệu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

..., ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11. Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
TRANSPORT OPERATOR NAME

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT - D

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
 To: Department of Transport of..... province

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):.....
2. Địa chỉ (Address):.....
3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):.....
4. Địa chỉ email (Email address):.....
5. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số..... ngày..... Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods)..... dated..... (dd/mm/yyyy).
6. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số..... do (cơ quan của Trung Quốc)..... cấp ngày..... Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods)..... issued by (Chinese authority)..... dated..... (dd/mm/yyyy).
7. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D cho các phương tiện sau đây (Request for issuing Transport Permit - D for following vehicles):

Xe số 1:

Vehicle No.1:

Biển số xe: Plate Number:....	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:

Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:
------------------	--	--	---

Xe số 2:

Vehicle No.2:

Biển số xe: Plate Number:....	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 3:.....

Vehicle No.3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc

Specifying proposed routes, stops and parking places in both Viet Nam and China

8. Người liên hệ (Contact person)

Họ và tên (Full name).....

Điện thoại (Telephone number):.....

..., ngày... tháng... năm....

Place,..... (dd/mm/yyyy)

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Transport Operator Name)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

Mẫu số 12. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM****REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number):..... số Fax (Fax number).....

4. Địa chỉ Email (Email address):

5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class...):..... ngày (the date of).....

6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in... day(s), from..... until.....

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày... tháng... năm...

Place,..... (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách
- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web)

Xác nhận của Sở GTVT
(Đôi với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ
của hai nước)

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15. Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../.....

....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC/NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN/THAY THẾ/BỔ SUNG/
NGỪNG PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Giữa Bến xe..... và Bến xe.....

Kính gửi:.....

Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... nhận được công văn số../..... ngày..... của..... về việc đăng ký khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều..... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... thông báo như sau:

Chấp thuận..... được khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....

Bến đến: Bến xe.....

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... Thay thế cho xe..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này..... phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bên xe cho phương tiện đã được Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

Nơi nhận:

-
-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XI
CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

*(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 02	Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào
Mẫu số 06	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 07	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 08	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 09	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 10	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 11	Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 12	Thông báo bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 13	Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 14	Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào
Mẫu số 15	Văn bản Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):.....

.....
.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
PEOPLE'S COMMITTEE OF...
PROVINCE
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
DEPARTMENT OF TRANSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):.....

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Place,..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

Mẫu số 04. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số..... ngày cấp.....
5. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Lào)

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày.....

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN
PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:


c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày.... tháng..... năm.....

Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 06. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO</p> <p>VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):.....</p>	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
--	--

<p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications)</p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year):</p> <p>- Nhân hiệu (Brand/Trademark):</p> <p>- Loại xe (Model):</p> <p style="text-align: center;">Xe tải Xe khách Xe khác (truck) <input type="checkbox"/> (Bus) <input type="checkbox"/> (Others) <input type="checkbox"/></p> <p>- Màu sơn (Colour):</p> <p>- Số máy (Engine No.):</p> <p>- Số khung (Chassis No.):</p> <p>- Trọng tải (Gross weight):</p> <p style="text-align: center;">Trang 1</p>	<p>Chi tiết về cơ quan/đơn vị/cá nhân được cấp giấy phép liên vận Details of Organization/individual granted transport permit</p> <p>Tên cơ quan/đơn vị/cá nhân (Organization/individual name):</p> <p>Địa chỉ (Address):.....</p> <p>Điện thoại (Telephone number):.....</p> <p>Số Fax (Fax number):.....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):.....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):.....</p> <p style="text-align: center;">Trang 2</p>
---	---

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From)..... (dd/mm/yyyy)
 Đến ngày (until)..... (dd/mm/yyyy)
 Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes,
 Destination
 Cửa khẩu (Border gate).....
 Vùng/tuyến hoạt động (Operation
 areas/routes):.....
 Nơi đến (Destination):.....
 Ngày cấp (Issuing date):.....

Cơ quan cấp phép
 Issuing Authority
 (Signature, stamp)

Trang 3

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày....
 tháng... năm....
 This permit is extended until.....
 (dd/mm/yyyy)

Ngày... tháng... năm...
 date.... month.... year....
 Cơ quan gia hạn
 Extending Authority
 Ký tên, đóng dấu
 (Signature, stamp)

Ghi chú (Notices):.....

Trang 4

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

<p>Hướng dẫn (Instruction)</p> <p>1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.</p> <p>This permit contains 50 pages excluding the covers.</p> <p>2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This permit shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>	<p>Ghi chú (Notices):</p> <p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.</p> <p>Red cover used for all vehicles.</p>
--	---

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....	
PHÙ HIỆU	
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO	
STICKER	
VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)
Số đăng ký (Registration Number):	
Thời hạn (Period of validity): từ (from)..... Đến (until).....	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 07. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM**
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN
VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):.....
3. Số điện thoại (Telephone number):..... số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):..... ngày (the date of).....
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian.... ngày, từ ngày... đến ngày.....
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in... day(s), from..... until.....
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn

bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

..., ngày... tháng... năm...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

Mẫu số 08. Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

..., ngày... tháng...năm...

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
VÀ NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào số:..... ngày cấp:.....
5. Đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:
Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:.....
Bến đi:..... Bến đến (Nơi đón trả khách):.....
Cự ly vận chuyển:..... km
Hành trình chạy xe:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....
6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

(Đối với phương tiện thay thế ghi rõ phương tiện biển số..... thay thế phương tiện biển số.....)

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo: Đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung phương tiện).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT
(Đối với việc đăng ký khai thác tuyến
hoặc bổ sung phương tiện)

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10. Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa: Bến xe..... và Bến xe.....**

Kính gửi:.....

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số..... ngày... tháng.... năm... và hồ sơ kèm theo của..... về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều..... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuận..... được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe..... (tên tỉnh đến).

Hành trình:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này,..... phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

-

-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11. Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../20../LVC

..., ngày... tháng... năm...

**LỆNH VẬN CHUYỂN
DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Có giá trị từ ngày..... đến ngày.....

Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:.....				Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)
Lái xe 2:..... hạng GPLX:.....				
Nhân viên phục vụ trên xe:.....				
Biển số đăng ký:..... số ghế theo ĐK:..... Loại xe:.....				Cán bộ kiểm tra kiểm tra xe
Bến đi, bến đến:.....				
Hành trình tuyến:.....				
Lượt xe thực hiện	Bến xe đi, đến	Giờ xe chạy	Số khách	Bến xe (Ký tên, đóng dấu)
Lượt đi	Bến xe đi:.....	xuất bến... giờ.. ngày...		
	Bến xe nơi đến:...	đến bến... giờ... ngày....		
Lượt về	Bến xe đi:.....	xuất bến... giờ... ngày...		
	Bến xe nơi đến:...	đến bến.... giờ... ngày....		
LÁI XE 1 (Ký và ghi rõ họ tên)		LÁI XE 2 (Ký và ghi rõ họ tên)		NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE (Ký và ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

Mẫu số 12. Thông báo bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:.....

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số ngày... tháng.... năm... và hồ sơ kèm theo của..... về việc đăng ký bổ sung, thay thế, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Thông báo cho phép..... được bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe..... (tên tỉnh đến).

Hành trình:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... **Thay thế cho xe:**..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Thời hạn triển khai hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cho xe được bổ sung/thay thế: 30 ngày kể từ ngày ký văn bản, trong thời hạn này đơn vị kinh doanh vận tải phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Cục Đường bộ Việt Nam đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chỉ đạo Bến xe..... ký hợp đồng khai thác với phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải theo danh sách đã được Cục Đường bộ Việt Nam thông báo ở trên (dành cho phương tiện bổ sung, thay thế).

Yêu cầu..... tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 13. Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:.... (Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP)..... (tỉnh đi).....).

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP)..... (tỉnh đến).....).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15. Văn bản Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:.....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định bằng ô tô giữa Việt Nam và Lào;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho.... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII
CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 02	Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 06	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 07	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 08	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 09	Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 10	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 11	Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 12	Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

Mẫu số 13	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 14	Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 15	Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia
Mẫu số 16	Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
DEPARTMENT FOR ROADS OF
VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):.....

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...
Place,.....(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

Mẫu số 04. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
 CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
 GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số..... ngày cấp.....
5. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Hành khách theo hợp đồng:

c) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Campuchia)

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày.....

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... ngày cấp:.....
5. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

..., ngày... tháng... năm...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 06. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of VietNam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to
operate conveniently and to render the vehicle any
assistance as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):
Không cho người khác sử dụng và không được
chuyển nhượng (Non transferable and non
negotiable)

Xe kinh doanh vận tải
Commercial Vehicle

Trang 1
Page 1

Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)
VN

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport
Operator Name):
.....

Địa chỉ (Address):.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport
operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt
Nam và Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-
border Transport Permit No.):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2
Page 2

GHI CHÚ NOTICES			
Giấy phép này có giá trị.....ngày This Permit is valid..... days			
Từ ngày (From).....(dd/mm/yyyy) Đến ngày (until).....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination			
Cửa khẩu (Border gate):.....			
.....			
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....			
.....			
Nơi đến (Destination):.....			
.....			
Ngày cấp (Date of issuance):.....			
Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 3			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

GHI CHÚ NOTICES			
Giấy phép này được gia hạn This Permit is extended			
Đến ngày (until).....(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination			
Cửa khẩu (Border gate):.....			
.....			
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....			
.....			
Nơi đến (Destination):.....			
.....			
Ngày cấp (Date of issuance):.....			
Issuing Authority (Signature, stamp)			
Trang 4			
Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs Seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal


Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):... - Tuyến đường (Route):... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Hướng dẫn (Instruction)
<p>1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa. This permit contains 50 pages excluding the covers.</p> <p>2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This permit shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p>

Ghi chú (Notices):
<p>Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm</p> <p>Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải Green cover used for truck</p> <p>Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt Yellow cover used for bus</p>

Mẫu số 07. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to
operate conveniently and to render the vehicle
any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)
.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):
.....

- Nhân hiệu (Brand/Trademark):
.....

- Loại xe (Model):
.....

- Màu sơn (Colour):
.....

- Số máy (Engine No.):
.....

- Số khung (Chassis No.):
.....

- Trọng tải (Gross weight):
.....

Trang 1
Page 1

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Telephone number):.....
 Số Fax (Fax number):.....
 Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for Transport Operator):.....
 Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2
 Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị..... ngày
This book is valid..... days
Từ ngày (From)..... (dd/mm/yyyy)
Đến ngày (until)..... (dd/mm/yyyy)
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination
Cửa khẩu (Border gate):.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):.....

Ngày cấp (Date of issue):.....
Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3
 Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS				HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.
This permit shall be used for the specified vehicle only.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:.....	
PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA STICKER VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:	Cơ quan cấp/Issuing authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)
Số đăng ký/Registration Number:.....	
Thời hạn/Period of Validity: từ/from..... đến/until.....	
Cửa khẩu vào/Entry point:.....	
Cửa khẩu ra/Exit point:.....	
Tuyến đường/Route:	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 08. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Independence - Freedom - Happiness**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):..... số Fax (Fax number).....
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):..... ngày (the date of).....
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in...day(s), from..... until.....

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*)...., ngày... tháng... năm...
Place,..... (dd/mm/yyyy)**Người xin gia hạn
(Applicant Name)**(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

Mẫu số 09. Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../....

....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... ngày cấp:.....
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:.....
Bến đi:..... Bến đến (Nơi đón trả khách):.....
Cự ly vận chuyên:..... km
Hành trình chạy xe:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....
6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).
8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lướt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lướt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

Xác nhận của Sở GTVT
(Đối với việc đăng ký khai thác tuyến
hoặc bổ sung phương tiện)

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11. Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Giữa: Bến xe..... và Bến xe.....

Kính gửi:.....

Cục Đường bộ Việt Nam nhận được công văn số..... ngày... tháng....năm... và hồ sơ kèm theo của..... về việc đăng ký khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam thông báo như sau:

Chấp thuận..... được khai thác tuyến/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe..... (tên tỉnh đến).

Hành trình:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... Thay thế cho xe..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu:...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12. Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Điện thoại.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../20../LVC

..., ngày... tháng... năm...

LỆNH VẬN CHUYỂN
Dùng cho phương tiện vận tải hành khách
cố định giữa Việt Nam và Campuchia

Có giá trị từ ngày..... đến ngày.....

Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:..... Lái xe 2:..... hạng GPLX:..... Nhân viên phục vụ trên xe:.....				Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)
Biển số đăng ký:..... Số ghế theo ĐK:..... Loại xe:..... Bến đi, bến đến:..... Hành trình tuyến:.....				Cán bộ kiểm tra kiểm tra xe
Lượt xe thực hiện	Bến xe đi, đến	Giờ xe chạy	Số khách	Bến xe (Ký tên, đóng dấu)
Lượt đi	Bến xe đi:.....	xuất bến.... giờ... ngày		
	Bến xe nơi đến:....	đến bến.... giờ... ngày...		
Lượt về	Bến xe đi:.....	xuất bến.... giờ... ngày...		
	Bến xe nơi đến:...	đến bến.... giờ... ngày...		
LÁI XE 1 (Ký và ghi rõ họ tên)		LÁI XE 2 (Ký và ghi rõ họ tên)		NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE (Ký và ghi rõ họ tên)

* **Ghi chú:**

- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

Mẫu số 14. Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:... (Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến/ngừng phương tiện chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP)..... (tỉnh đi).....).

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP)..... (tỉnh đến).....).

Danh sách phương tiện ngừng khai thác tuyến:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 16. Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../CĐBVN-QLVT,PT&NL

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho..... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Cục Đường bộ Việt Nam*(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục XIII
PHÙ HIỆU XE Ô TÔ KINH DOANH VẬN TẢI, XE BỐN BÁNH
CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, CÁC CỤM TỪ NIÊM YẾT TRÊN XE

*(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định
Mẫu số 02	Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyên hành khách
Mẫu số 03	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
Mẫu số 04	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi
Mẫu số 05	Mẫu cụm từ “XE TAXI” niêm yết (dán cố định) trên xe taxi
Mẫu số 06	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
Mẫu số 07	Mẫu cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
Mẫu số 08	Mẫu cụm từ “TAXI TẢI” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải
Mẫu số 09	Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải
Mẫu số 10	Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
Mẫu số 11	Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
Mẫu số 12	Mẫu cụm từ “XE NỘI BỘ” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô vận tải người nội bộ hoặc vận tải hàng hóa nội bộ

Mẫu số 01. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”.

2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

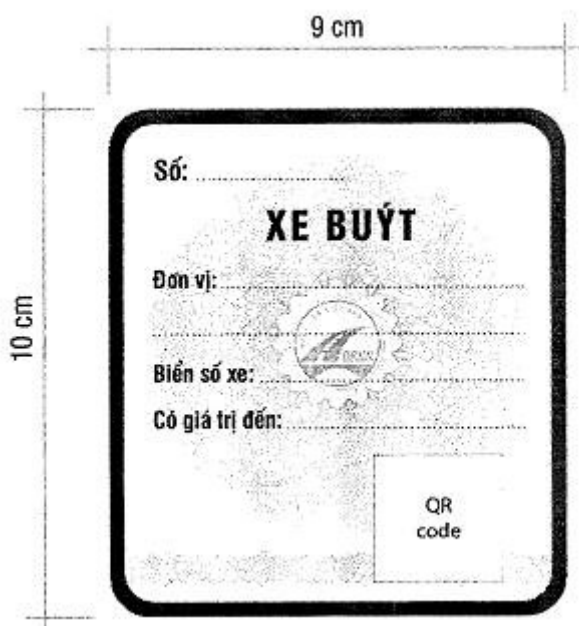
Mẫu số 02. Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyển hành khách**PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

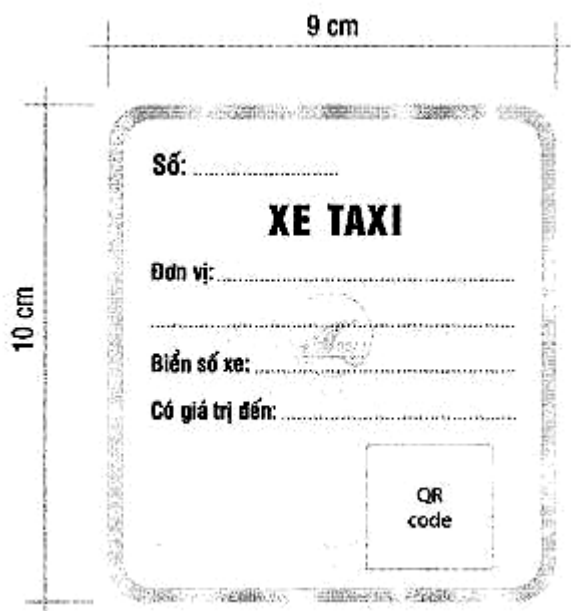
Mẫu số 03. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 04. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi**PHÙ HIỆU “XE TAXI”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

*** Ghi chú:**

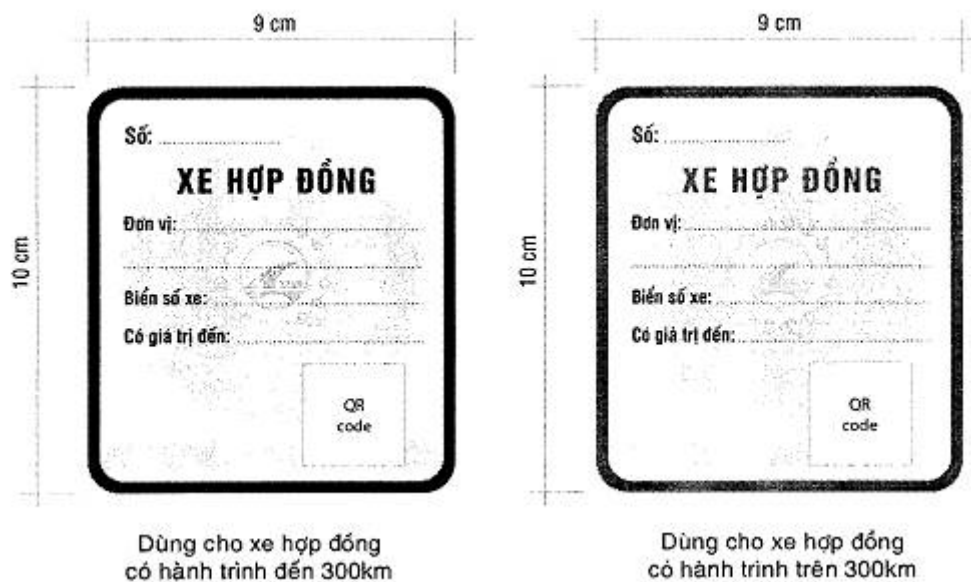
Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Mẫu số 05. Mẫu cụm từ “XE TAXI” niêm yết (dán cố định) trên xe taxi

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE TAXI”



1. Chữ “XE TAXI”.
2. Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns.

Mẫu số 06. Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”****Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG”.

2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.

+ Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.

b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.

3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 07. Mẫu cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE HỢP ĐỒNG”



1. Chữ “XE HỢP ĐỒNG”.
2. Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns

Mẫu số 08. Mẫu cụm từ “TAXI TẢI” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải

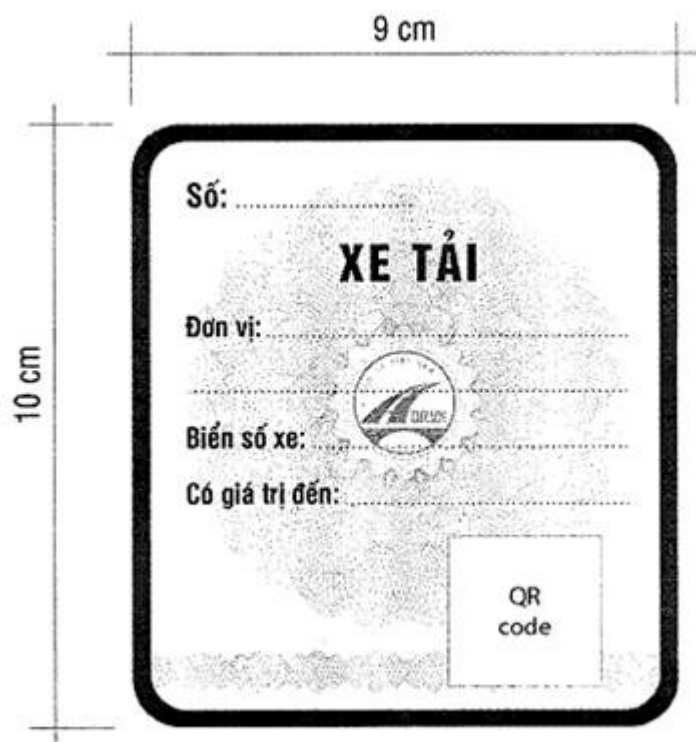
Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “TAXI TẢI”



1. Chữ “TAXI TẢI”.
2. Mã màu của chữ “TAXI TẢI”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM Helvetlns

Mẫu số 09. Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 10. Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

PHÙ HIỆU “XE CHỖ KHÁCH”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỖ KHÁCH”

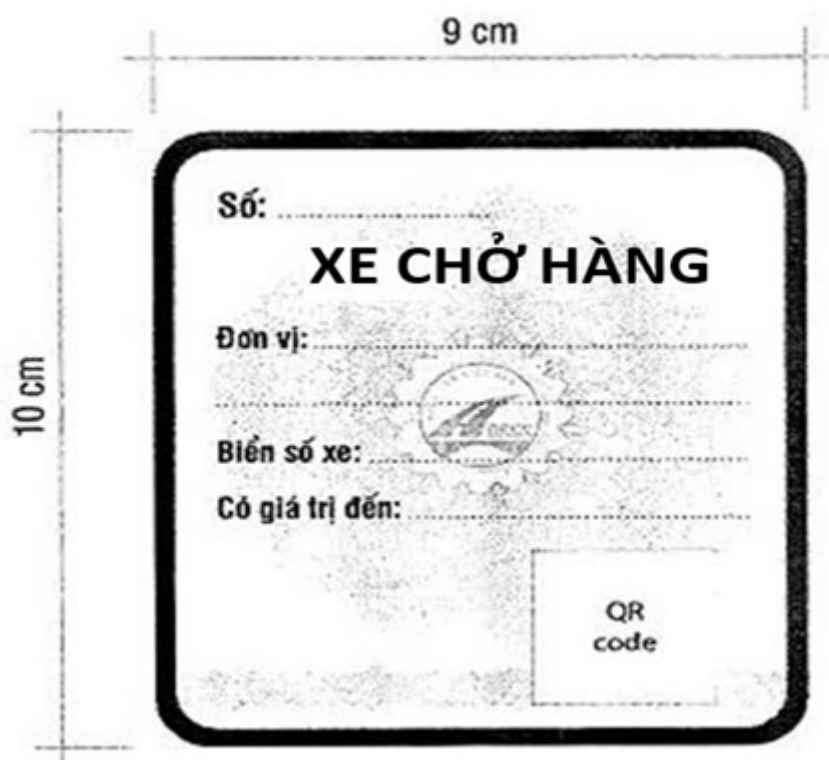


1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỖ KHÁCH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỖ KHÁCH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỖ KHÁCH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 11. Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

PHÙ HIỆU “XE CHỖ HÀNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỖ HÀNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỖ HÀNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỖ HÀNG”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỖ HÀNG”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu số 12. Mẫu cụm từ “XE NỘI BỘ” niêm yết (dán cố định) trên xe ô tô vận tải người nội bộ hoặc vận tải hàng hóa nội bộ

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE NỘI BỘ”



1. Chữ “XE NỘI BỘ”.
2. Mã màu của chữ “XE NỘI BỘ”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns